**MẪU MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**MÔN: TIẾNG ANH LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**TIẾT PPCT : 79,80**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** |
| **1** | **Listening** | 10 | 4 - 6 | 10 | 6 - 8 | 5 | 3 - 6 |  |  | 25 | 13 - 20 |
| **2** | **Language** | 10 | 3 - 6 | 10 | 5 - 6 | 5 | 3 - 6 |  |  | 25 | 11 - 18 |
| **3** | **Reading** | 15 | 8 - 12 | 5 | 6 | 5 | 5 - 7 |  |  | 25 | 18 - 25 |
| **4** | **Writing** | 5 | 5 - 6 | 5 | 4 - 5 | 5 | 4 - 6 | 10 | 5 - 10 | 25 | 18 - 27 |
| **Tổng** | | **40** | **20 - 30** | **30** | **20 - 25** | **20** | **15 - 25** | **10** | **5 - 10** | **100** | **60 - 90** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | **70** | | | | **30** | | | |  | |

***Lưu ý:***

*- Thời gian mang tính đề xuất, cán bộ ra đề tham khảo để lựa chọn số câu hỏi cho phù hợp với thời gian ấn định của bài kiểm tra.*

*- Tỉ lệ mức độ nhận thức mang tính đề xuất.*

*- Tỉ lệ giữa các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ có thể điều chỉnh trong khoảng 5%.*

*- Tỉ lệ được tính dựa trên điểm số, không tính trên số lượng câu hỏi.*

*- Tỉ lệ giữa câu trắc nghiệm khách quan và câu tự luận là tương đối, có thể điều chỉnh theo điều kiện thực tế.*

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**MÔN: TIẾNG ANH 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH/ bài*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 170 – 200 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học ở Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent )  *(True/False hoặc Gap-filling và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học. | 2-3 |  |  |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2-3 |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai điểm tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
|  | 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 170 – 200 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.  ở Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent )  *(MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học. | 2-3 |  |  |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2-3 |  |  |  |  |  | 2-3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1-2 |  |  |  | 1-2 |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **Pronunciation**  Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi , những từ ở trong chủ điểm đã học Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent )  Trọng âm từ, từ 2 ,3 và hơn 3 âm tiết | **Nhận biết:**  - Biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ thông qua các từ vựng theo chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  + Phân biệt được các âm trong bài .. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  + Vận dụng vào kỹ năng nghe và nói các nội dung liên quan đến ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary**  Từ vựng theo các chủ điểm đã học Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent )  *(MCQs hoặc Word formation và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận ra/nhớ lại/liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học. | 1-2 |  |  |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu, phân biệt được các từ loại theo chủ điểm đã học.  - Nắm được các mối liên kết của từ trong ngữ cảnh, bối cảnh tương ứng. |  |  | 3-4 |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được từ vựng đã học vào các kỹ năng. |  |  |  |  | 2-3 |  |  |  | 2-3 |  |
| **Grammar**  Các kiến thức ngữ pháp đã học ở Unit 6-8  - To infinitive clauses  - Perfect participle clauses  - Cleft sentences | **Nhận biết:**  - Nhận ra các kiến thức ngữ pháp đã học. | 1-2 |  |  |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp. |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết / nghe / đọc. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **READING** | **1. Reading comprehension**  Hiểu được các bản tin/ mục quảng cáo về các chủ điểm đã học ở Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent ) | **Nhận biết:**  - Nhận ra các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 3-4 |  |  |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc điểm, đặc trưng của các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản, |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng được kiến thức kĩ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1-2 |  |  |  | 1-2 |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 220-250 từ, xoay quanh các chủ điểm đã học  preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent  *(MCQs hoặc Matching / True-False và / hoặc dạng bài tương tự)* | **Nhận biết:**  - Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc. | 3-4 |  |  |  |  |  |  |  | 3-4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  | 1-2 |  |  |  |  |  | 1-2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Phân tích, tổng hợp ý chính của bài đọc để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Sentence arrangement**  Sắp xếp tờ rơi quảng cáo , bài văn , sắp xếp bức thư yêu cầu theo các chủ điểm đã học ở Unit 6-8 *(MCQs )* | **Nhận biết:**  - Nhận diện dùng từ, cấu trúc, cú pháp trong các bài viết , bức thư  hay là tờ rơi. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **2. Guided**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước.  Sử dụng cấu trúc ngữ pháp ở các chủ điểm đã học  - To infinitive clauses  - Perfect participle clauses  - Cleft sentences | **Thông hiểu:**  - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  - Kết hợp câu đơn thành câu phức sử dụng các cấu trúc đã học. |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |
| **3. Writing a leaflet , writing a request letter and writing an article.**  Viết về các chủ điểm đã học ở Unit Unit 6-8 ( preserving our heritage, Education option for school leavers, becoming independent ) | **Vận dụng:**  - Phân tích đề bài, vận dụng các kiến thức đã học để viết bài có mở đầu, thân bài, kết luận  – Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan.  **Vận dụng cao:**  – Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản khoảng 120 – 150 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 bài \* 15% |
| ***Tổng*** | |  |  | ***16-22*** |  | ***10-16*** | **3** | ***6-9*** |  |  |  | **32-47** | **4+ 1** |

**Lưu ý:**

*- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).*

*- Số câu hỏi mang tính đề xuất và do ban biên soạn xác định cụ thể khi xây dựng đề kiểm tra.*